

Bản án số: 33/2019/DS-PT

Ngày: 20/02/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên Anh

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Thái

Bà Hoàng Thị Thu Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Ly, Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Thị

Thúy Hà, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2019/TLPT-DS ngày 08/01/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2019/QĐ-PT ngày 31/01/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đinh N.H, sinh năm 1964

Bà Nguyễn T.H, sinh năm 1967

Cùng trú tại: Thôn G, xã K, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Trần Thị K.D, sinh năm 1978

Trú tại: Thôn B, xã K, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn V.N, sinh năm 1970

Trú tại: Thôn B, xã K, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

2. Chị Đinh Thị T.N, sinh năm 1988

Trú tại: Thôn G, xã K, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Người làm chứng:

1. Ông Đinh N.H, sinh năm 1969

2. Bà Đinh Thị T.H1, sinh năm 1973

3. Chị Nguyễn T.Tr, sinh năm 1988

4. Ông Tạ V.C, sinh năm 1961

5. Bà Đinh T.Đ, sinh năm 1969

6. Chị Nguyễn T.H2, sinh năm 1981

7. Chị Nguyễn T.H.N, sinh năm 1981

Cùng trú tại: Thôn G, xã K, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.
Do có kháng cáo của chị Trần Thị K.D là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn ông Đình N.H, bà Nguyễn T.H trình bày: Vợ chồng ông bà có quan hệ với chị Trần Thị K.D là quan hệ cậu cháu ruột. Chị D là con gái ruột của chị gái ông H. Thời điểm năm 2014 vợ, chồng ông bà làm ăn tích cóp được một số tiền nhưng chưa có nhu cầu sử dụng đầu tư. Chị D đã đến nhà đặt vấn đề với vợ chồng ông H, bà H hỏi vay tiền để lấy tiền đầu tư làm ăn. Ông H, bà H nhất trí cho Chị D vay tiền, cụ thể thời gian từ ngày 06/05/2015 (Âm lịch) ông H, bà H cho Chị D vay số tiền gốc cụ thể như sau:

Ngày 06/05 tức ngày 03/06/2014 dương lịch cho Chị D vay số tiền gốc là: 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

Ngày 25/09/2014 âm lịch tức ngày 17/11/2014 dương lịch cho Chị D vay số tiền gốc là: 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

Ngày 22/03 âm lịch tức ngày 10/05/2015 dương lịch cho Chị D vay số tiền: 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*).

Ngày 24/07 âm lịch tức ngày 06/09/2015 dương lịch cho Chị D vay số tiền là: 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

Ngày 15/09 âm lịch tức ngày 27/10/2015 dương lịch cho Chị D vay số tiền: 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

Ngày 26/09 âm lịch tức ngày 07/11/2015 dương lịch cho Chị D vay số tiền: 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

Ngày 27/09 âm lịch tức ngày 08/11/2015 dương lịch cho Chị D vay số tiền là: 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

Ngày 02/11 âm lịch tức ngày 12/12/2015 dương lịch cho Chị D vay số tiền là: 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

Ngày 22/01 âm lịch tức ngày 29/02/2016 dương lịch cho Chị D vay số tiền là: 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*).

Ngày 04/04 âm lịch tức ngày 10/05/2016 dương lịch cho Chị D vay số tiền là: 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

Ngày 24/04 âm lịch tức ngày 30/05/2016 dương lịch cho Chị D vay số tiền là: 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

Ngày 29/04 âm lịch tức ngày 04/06/2016 dương lịch cho Chị D vay số tiền là: 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

Ngày 07/05 âm lịch tức ngày 11/06/2016 dương lịch cho Chị D vay số tiền là: 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*).

Ngày 01/08 âm lịch tức ngày 01/09/2016 dương lịch cho Chị D vay số tiền là: 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

Ngày 03/08 âm lịch tức ngày 03/09/2016 dương lịch cho Chị D vay số tiền là: 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

Ngày 24/08 âm lịch tức ngày 24/09/2016 dương lịch cho Chị D vay số tiền là: 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

Ngày 08/09 âm lịch tức ngày 08/10/2016 dương lịch cho Chị D vay số tiền là: 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

Tổng cộng 17 lần vợ, chồng chúng tôi cho chị Trần Thị K.D vay tổng số tiền là: 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*).

Do Chị D là cháu ruột, khi vợ chồng ông H, bà H cho Chị D vay tiền không yêu cầu Chị D viết và ký giấy biên nhận vay tiền. Các lần bà H cho Chị D vay tiền, bà H chỉ ghi vào sổ và giấy của bà H mang tính chất bảng kê để theo dõi. Khi đến hạn trả tiền là tháng 11/2017 vợ, chồng ông H, bà H yêu cầu Chị D trả nợ tổng số tiền gốc là: 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*), Chị D không nhất trí trả và đưa ra lý do là: Chị D cho chị Đinh Thị T.N là con gái ruột của ông H, bà H đang làm ăn ở Hà Nội vay 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*) để Chị N đầu tư làm ăn ở Hà Nội. Chị N phải trả nợ cho Chị D số tiền 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*) thì Chị D mới có tiền để trả nợ cho ông H, bà H số tiền 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*). Theo ông H, bà H Chị N làm ăn ở Hà nội không vay mượn, nợ nần bất cứ khoản tiền nào của Chị D. Khi vợ, chồng ông H, bà H cho Chị D vay số tiền nói trên do tin tưởng là con cháu nên không yêu cầu Chị D viết giấy vay tiền do đó ngày 13/01/2018 dương lịch bà H và con gái là Đinh Thị T.N đã đến nhà Chị D để trao đổi và đòi chị Trần Thị K.D số tiền gốc là: 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*). Do bà H, Chị N nhận định Chị D có khả năng không thừa nhận việc vay của vợ, chồng bà H số tiền: 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*), bà H và Chị N đã tiến hành trao đổi nội dung đòi nợ với Chị D và tổ chức ghi âm lại cuộc trao đổi đòi nợ tiền giữa bà H, Chị N và chị D ngày 13/01/2018. Theo nội dung ghi âm thì Chị D đã thừa nhận nợ vợ, chồng bà H số tiền: 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*). Khi bà H, Chị N và Chị D trao đổi việc đòi tiền ngày 13/01/2018 và có bố trí ghi âm cuộc trao đổi thì có em trai ruột ông H đồng thời là cậu ruột của Chị D là ông Đinh N.H, sinh năm: 1969 (Em trai ruột của bà: Đinh T.H2, sinh năm 1959) chứng kiến toàn bộ cuộc nói chuyện trao đổi nợ, nần tiền giữa bà H, Chị N và Chị D. Ngoài việc ghi âm ra việc trao đổi việc vay tiền giữa vợ, chồng bà H, ông H và Chị D ở tại nhà Chị D có một số người chứng kiến biết việc trao đổi nợ nần tiền giữa bà H và Chị D. Cụ thể là những người làm thuê cho gia đình bà H làm chứng và biết việc trao đổi nợ nần giữa vợ, chồng bà H, ông H và Chị D và chứng kiến việc Chị D trả tiền lãi suất cho vợ, chồng bà H trước thời điểm ngày 24/08/2017 như sau: Anh Tạ V.C, sinh năm: 1961, chị Đinh T.Đ, sinh năm: 1969, chị Đinh Thị T.H1, sinh năm: 1973, chị Nguyễn T.H2, sinh năm: 1981, chị Nguyễn T.H.N, sinh năm 1981, chị Nguyễn Thị H.T, sinh năm: 1988, đều có địa chỉ: Thôn G, xã K, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Việc vay tiền giữa chị Trần Thị K.D và vợ chồng bà H, ông H là chỉ có riêng một mình chị Trần Thị K.D đứng vay tiền, chồng Chị D là anh Nguyễn V.N

không tham gia. Sau khi Chị D vay tiền của ông H, bà H về đầu tư làm ăn có bàn bạc với anh N hay không thì bà H, ông H không biết.

Về lãi suất: Khi vay tiền của vợ chồng bà H, ông H chị Trần Thị K.D đã tự trả cho vợ, chồng mức lãi suất là 1,5%/tháng của từng số nợ gốc mà vợ chồng bà H, ông H đã cho Chị D vay các lần trên. Chị Trần Thị K.D đã trả tiền lãi suất cho vợ, chồng ông H, bà H trên tổng số nợ gốc là: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) cho đến ngày 24/08/2017.

Vợ chồng ông H, bà H khởi kiện đề nghị TAND huyện Ba Vì buộc chị Trần Thị K.D phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông H, bà H tổng số tiền gốc là: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và yêu cầu Chị D phải trả lãi suất trên số nợ gốc là 1,5%/tháng cho vợ chồng ông H, bà H thời gian từ ngày 24/08/2017 cho đến khi TAND huyện Ba Vì xét xử sơ thẩm vụ án theo qui định của pháp luật.

Bị đơn chị Trần Thị K.D trình bày: Chị Trần Thị K.D có quan hệ với ông H và bà H là quan hệ cậu cháu ruột. Sau khi chị xem đơn khởi kiện và bản tự khai và biên bản lấy lời khai của ông H và bà H tại Tòa án nhân dân huyện Ba Vì ngày 16/10/2018. Chị D có quan điểm về việc ông H, bà H khởi kiện đòi nợ tiền Chị D như sau: Chị D chưa bao giờ vay tiền của ông H, bà H, chị không chấp nhận việc ông H, bà H khởi kiện chị ra tòa. Ông H, bà H đã vu khống, bôi nhọ danh dự của chị, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị lấy lại danh dự. Chị không chấp nhận trả nợ số tiền mà ông H, bà H kiện đòi vì chị không vay mượn tiền của ông, bà H, Hồng.

Tại biên bản đối chứng được lập ngày 22/10/2018 nội dung đối chứng giọng nói trong cuộc trao đổi về việc giải quyết nợ nần giữa chị Trần Thị K.D, bà Nguyễn T.H ngày 13/01/2018 trong USB (Bộ nhớ ngoài sử dụng cho máy tính và các thiết bị điện tử khác) do nguyên đơn bà Nguyễn T.H cung cấp kèm theo đơn khởi kiện. Chị Trần Thị K.D khi nghe lại toàn bộ đoạn ghi âm trong thiết bị USB, Chị D thừa nhận đoạn ghi âm trong USB ngày 13/01/2018 ghi âm lại cuộc nói chuyện giữa Chị D và chị Đinh Thị T.N, bà Nguyễn T.H là có tiếng nói của Chị D là thật trong cuộc trao đổi giữa Chị D và mẹ con bà H. Đồng thời Chị D khẳng định: Chị D chỉ vay bà H số tiền: 500.000đ chứ không phải 500.000.000đ (Năm triệu đồng) như bà H đã kiện Chị D. Cuộc trao đổi về việc nợ nần giữa Chị D và Chị N, bà H được ghi âm do bà H xuất trình diễn ra tại nhà bố, mẹ đẻ Chị D, bà Đinh T.H2, ông Trần V.D (Thôn B, xã K, huyện Ba Vì, Hà Nội). Khi chứng kiến cuộc trao đổi nợ nần trên thì có bà H, ông D có mặt tại nhà nhưng không tham dự, đồng thời có ông Đinh N.H là cậu ruột Chị D (Em ruột mẹ Chị D). Chị D thừa nhận bản ghi âm do bà H cung cấp có giọng nói của Chị D trong cuộc trao đổi nợ nần đó. Do vậy Chị D không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định bản ghi âm do bà H xuất trình.

Tại biên bản hòa giải ngày 27/10/2018 Chị D trình bày: Chị D chỉ vay của vợ, chồng ông Đinh N.H, bà Nguyễn T.H số tiền là: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), còn ngoài ra Chị D không nợ của ông H, bà H bất cứ một khoản tiền nào khác. Nay Chị D chỉ chấp nhận trả nợ số tiền gốc cho vợ, chồng ông H, bà H số

tiền là: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), Chị D không chấp nhận trả lãi suất của số tiền gốc: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Về chứng cứ: Chị D thừa nhận trong đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà H, Chị N và Chị D được ghi âm ngày 13/01/2018, nay được copy trong USB do bà H, Chị N xuất trình cho TAND huyện Ba Vì, Chị D đã được nghe Thẩm phán, TAND huyện Ba Vì giải quyết vụ án đã mở cho Chị D nghe lại toàn bộ nội dung bản ghi âm, Chị D thừa nhận tiếng nói của Chị D trao đổi nợ nần tiền giữa Chị D và bà H, Chị N trong đoạn ghi âm trên là sự thật. Chị D đã được bà H giao cho Chị D 01 bản sao đoạn ghi âm này và 01 đơn khởi kiện.

Việc chị Đinh Thị T.N nợ Chị D số tiền: 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) là việc giữa Chị D và Chị N không liên quan đến vụ án này. Chị D không có yêu cầu độc lập về việc đòi nợ tiền đối với Chị N trong vụ án này, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì không xem xét việc nợ tiền giữa Chị D và Chị N.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị T.N trình bày: Chị N là con gái ruột của ông H và bà H, Chị N có quan hệ với chị Trần Thị K.D là con bác, con cậu ruột. Chị làm ăn và sinh sống ở Hà Nội, thỉnh thoảng có về thăm bố mẹ và gia đình. Chị có nghe bố mẹ chị kể thời gian từ năm 2014 đến năm 2016 bố, mẹ chị có cho Chị D vay rất nhiều tiền. Tính đến ngày 08/09 (AL) tức ngày 08/10/2016 (DL) tổng số tiền gốc bố, mẹ chị cho Chị D vay là: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) với lãi suất hai bên tự thỏa thuận là 1,5%/tháng. Chị D đã trả lãi suất cho bố mẹ chị đến ngày 24/08/2017. Các lần bố, mẹ chị giao tiền cho Chị D vay đều không viết giấy tờ gì mà hai bên chỉ tự viết vào sổ của mình để theo dõi và đối chiếu. Lý do mà bố, mẹ chị không viết giấy là vì Chị D là cháu ruột, xuất phát từ việc không viết giấy tờ này do đó từ khi không trả lãi, mẹ chị mới yêu cầu Chị D trả số tiền gốc là: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) nhưng Chị D không trả. Bố, mẹ chị gọi chị về để giải quyết. Vào hồi 22 giờ 06 phút ngày 13/01/2018 bà H và Chị N, chị Ngô Thị T.H, cùng chú ruột Chị N đã đến nhà Chị D để trao đổi việc nợ nần tiền giữa Chị D và bà H. Trước khi trao đổi việc nợ nần tiền giữa Chị D và bà H thì Chị N đã dùng máy điện thoại Iphone 6 Plus để ghi âm lại toàn bộ cuộc trao đổi nói chuyện về việc nợ nần giữa bà H, Chị D và Chị N. Theo nội dung đoạn ghi âm trong điện thoại của Chị N thì Chị D đã thừa nhận có vay nợ của ông H và bà H số tiền 500.000.000đ (đoạn 9 phút 24 giây và đoạn 16 phút đến 18 phút) trong đoạn ghi âm Chị D thừa nhận nợ của bà H số tiền 500.000.000đ. Đồng thời Chị D nói chỉ trả tiền cho bố, mẹ chị nếu chị trả nợ cho Chị D số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Từ trước tới nay chị chưa bao giờ vay tiền Chị D. Việc Chị D cho rằng chị vay tiền của Chị D là vu khống. Nếu trường hợp sự thật Chị D cho chị vay tiền là quan hệ giữa chị và Chị D không liên quan gì đến vụ án này. Vậy chị yêu cầu Chị D phải trả cho ông H và bà H số tiền gốc là 500.000.000đ và lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 24/08/2017 cho tới nay.

Người làm chứng trình bày:

- Ông Tạ V.C: Ông C là người làm thuê cho nhà ông H và bà H từ năm 2014 cho đến nay. Khi làm thì ông C ở tại nhà ông H và bà H nên nhiều lần ông C thấy bà H và Chị D trao đổi việc nợ nần giữa bà H, Chị D; việc Chị D nợ bao nhiêu thì ông C cũng không biết, ông thấy nhiều lần Chị D đến trả tiền lãi cho bà H số tiền từng lần cụ thể như thế nào thì ông C cũng không rõ.

- Ông Đinh N.H trình bày: Ông H là em ruột của ông H, bà H là chị dâu của ông H, chị Trần Thị K.D là cháu ruột của ông H. Khoảng 23 giờ ngày 13/01/2018 (DL) thì ông H cùng với bà H, Chị N đến nhà Chị D để thực hiện mục đích vừa chứng kiến việc trao đổi, giải quyết nợ nần tiền giữa bà H và Chị D. Đồng thời ông H đến với tư cách vừa là em trai ruột ông H, bà H vừa là cậu ruột của Chị D để khuyên giải, giải quyết việc Chị D nợ tiền bà H. Khi ông H đến nhà Chị D thì hai bên lời qua tiếng lại về việc nợ tiền của nhau. Bà H có nói Chị D nợ của bà H số tiền gốc là: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) còn Chị D thì thừa nhận nợ bà H tiền nhưng không nói rõ là nợ bà H bao nhiêu. Chị D nói Chị N còn vay nợ Chị D tổng số tiền là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Chị D yêu cầu Chị N trả cho Chị D số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) thì Chị D mới có tiền trả nợ cho bà H. Về phía Chị N ở đó khẳng định không nợ Chị D khoản tiền nào. Trong lúc trao đổi thì Chị N có hỏi Chị D có nợ của bà H số tiền 500.000.000đ không thì Chị D thừa nhận là có nợ nhưng Chị N phải trả cho Chị D thì Chị D trả cho bà H. Ngoài ra thì Chị N và Chị D còn trao đổi nhiều vấn đề khác liên quan đến việc nợ nần trên. Ông H được biết là Chị N có tiền hành ghi âm cuộc trao đổi trên. Ông H có nghe hàng xóm nói Chị D có vay tiền của chị Hồng nhưng số tiền bao nhiêu thì ông cũng không biết.

- Chị Đinh T.Đ, Chị Nguyễn T.H2 cùng trình bày: Tôi là hàng xóm nhà ông H, bà H làm thuê Nem trạo ở nhà ông H và bà H từ năm 2015 đến năm 2017, còn năm 2018 rảnh thì chị Đ, chị H sang làm, khi làm việc ở tại nhà ông H và bà H. Chị Đ, chị H thấy Chị D thường xuyên đến nhà bà H để trao đổi tiền nong, thì thoảng chị Đ thấy Chị D đến để trả tiền lãi cho bà H, còn số tiền vay bao nhiêu thì chị Đ, chị H cũng không biết.

- Chị Đinh Thị T.H1 trình bày: Chị H1 quan hệ với ông H là anh trai ruột, bà H là chị dâu, Chị D là cháu ruột vì chị H1 là em gái ruột mẹ Chị D. Chị H1 làm thuê Nem trạo cho nhà ông H và bà H từ năm 2014 cho đến nay, khi làm thuê thì chị H1 ở tại nhà ông H và bà H. Từ năm 2014 đến năm 2017 chị H1 nhiều lần thấy Chị D đến nhà ông H và bà H vay tiền và trả tiền lãi suất, từng lần cụ thể thế nào thì chị H1 không nhớ và cũng không biết trả bao nhiêu tiền. Từ năm 2015 đến năm 2017 thì chị H1 cũng có nhiều lần cho Chị D vay tiền gốc để lấy lãi. Việc vay tiền gốc và lãi giữa chị H1 và Chị D thực hiện nhiều lần nên chị H1 cũng không nhớ. Đến năm 2017 thì Chị D trả đủ gốc và lãi cho chị H1 nên giữa chị H1 và Chị D không còn nợ nần gì. Những lần Chị D trả tiền gốc và lãi đều trả tại nhà ông H và bà H vì chị H1 làm thuê ở đó, những lần Chị D trả tiền cho chị H1, thì chị H1 cũng thấy Chị D trả lãi cho bà H.

- Chị Nguyễn T.Tr trình bày: Chị Tr là quan hệ hàng xóm với ông H và bà H, là người làm thuê cho nhà ông H và bà H nên ở tại gia đình. Từ năm 2014 đến năm 2017 chị Tr nhiều lần thấy Chị D đến nhà ông H và bà H thì chị Tr có hỏi bà H nói đến để trả lãi. Chị Tr chứng kiến một lần nhưng không nhớ rõ ngày tháng, năm cụ thể ông Trần V.D là bố đẻ của Chị D có nói với bà H nội dung như sau: Cháu Dung nói vay tiền của cậu mợ (Ông H, bà H) nếu cháu D không trả được tiền cho cậu mợ thì ông D sẽ có trách nhiệm hoàn toàn trả cho ông H và bà H. Khi ông D nói vậy thì có ông C, bà Đ, Chị N là người làm thuê cho ông H, bà H chứng kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh N.H và bà Nguyễn T.H đối với chị Trần Thị K.D.

Buộc chị Trần Thị K.D phải trả nợ cho vợ, chồng ông Đinh N.H, bà Nguyễn T.H số tiền gốc: 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) và số tiền lãi suất: 90.562.500đ (*Chín mươi triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng*). Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi suất chị Trần Thị K.D phải trả nợ cho vợ, chồng ông Đinh N.H, bà Nguyễn T.H số tiền là: 590.562.500đ (*Năm trăm, chín mươi triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, ngày 10/12/2018 chị Trần Thị K.D là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Bị đơn chị Trần Thị K.D trình bày: Chị không vay vợ chồng bà H 500.000.000 đồng. Bà H cũng không xuất trình được chứng cứ về việc chị vay số tiền trên. Chị chỉ vay 500.000 đồng và sẽ có trách nhiệm trả cho bà H 500.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, không khách quan, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc Chị D phải trả vợ chồng bà 500.000.000 đồng tiền nợ gốc, không yêu cầu Chị D phải trả tiền lãi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Chị N trình bày: Chị không vay tiền của Chị D. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Chị D phải trả ông H, bà H 500.000.000 đồng tiền nợ gốc.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn V.N vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án công bố lời khai của anh N.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Việc vay tiền giữa Chị D với ông H, bà H không được thể hiện bằng văn bản, chỉ có sổ sách do bà H tự ghi chép. Tại cuộc đối thoại được ghi âm

ngày 13/01/2018 Chị D có đưa ra điều kiện nếu Chị N trả cho chị số tiền 600.000.000đ thì Chị D sẽ trả cho ông H, bà H năm trăm. Chị D thừa nhận giọng nói trong bản ghi âm là của chị, số tiền chị nói là năm trăm nghìn đồng, không phải 500.000.000đ. Tuy nhiên tại cuộc đối thoại này các bên đều nói đến số tiền hàng trăm triệu đồng chứ không phải trăm nghìn đồng như Chị D lý giải. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà H là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa án sơ thẩm buộc Chị D phải trả ông H, bà H 500.000.000 đồng tiền nợ gốc. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

Về hình thức: Bị đơn Chị D kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo về hình thức là hợp lệ.

Về nội dung: Chị D xác nhận có vay của nguyên đơn 500.000đ, không vay số tiền 500.000.000đ. Chị D kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn nhận thấy:

Tài liệu chứng cứ về việc vợ chồng bà H cho Chị D vay tiền do nguyên đơn xuất trình là cuốn sổ do bà H tự ghi chép. Nội dung ghi chép trong cuốn sổ thể hiện ngày tháng năm cho Chị D N vay tiền, số tiền vay và hàng tháng có ghi số tiền D N trả lãi. Tuy nhiên tài liệu này không có xác nhận của người vay tiền là Chị D.

Ngoài tài liệu là cuốn sổ nguyên đơn còn nộp bản ghi âm cuộc nói chuyện ngày 13/01/2018 tại nhà Chị D giữa bà H, Chị D, Chị N, có ông Đình N.H chứng kiến. Chị D xác định có cuộc nói chuyện này tại nhà chị và giọng nói được trong bản ghi âm do bà H cung cấp là của chị. Chị không yêu cầu Tòa án giám định bản ghi âm này. Trong cuộc nói chuyện có đoạn:

“Chị N hỏi: Chị vay 500 của nhà em.

Chị D đáp: Mà đang cầm của tao 600 triệu, mà vay tao đương 100 triệu rồi lãi ở đấy.

...

Bà H hỏi: Mẹ chỉ muốn hỏi mà một câu là mà có công nhận là mà có vay của cậu mẹ 500 không, thế thôi.

Chị D đáp: Cháu vay của mẹ nhưng với điều kiện con N phải trả cho cháu, bởi vì con N vay của cháu 600 triệu”.

Xem xét toàn bộ nội dung cuộc nói chuyện này nhận thấy: Chị D cho rằng Chị N vay của Chị D số tiền là 600.000.000đ nếu Chị N trả Chị D tiền thì Chị D sẽ trả tiền cho bà H. Hai bên trao đổi về số tiền hàng trăm triệu, không phải số

tiền 500.000đ như Chị D lý giải. Tại cấp phúc thẩm Chị D không xuất trình chứng cứ gì mới. Bản án sơ thẩm xác định Chị D có vay của ông H, bà H số tiền gốc là 500.000.000đ là có căn cứ.

Về số tiền lãi: Theo đoạn ghi âm cuộc trao đổi giải quyết nợ tiền giữa bà H, Chị N và Chị D ngày 13/01/2018 do bà H xuất trình đều được phía bà H và Chị D nhắc đến lãi suất. Mặt khác các nhân chứng đều thừa nhận trong thời gian làm thuê nem trao cho gia đình ông H, bà H tại: Thôn G, xã K, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, thời gian từ năm 2014 đến năm 2017 đều khẳng định: Trong khoảng thời gian năm 2014, năm 2015 đến năm 2016, năm 2017 chị Trần Thị K.D có thường xuyên đến nhà bà Nguyễn T.H vay tiền, trả tiền gốc và trả tiền lãi nhưng không khẳng định được cụ thể Chị D vay và trả cho bà H mỗi lần số tiền gốc và tiền lãi suất là bao nhiêu, vào ngày, tháng nào. Tại cấp phúc thẩm bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về lãi suất là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Việc Chị D vay tiền của vợ, chồng ông H, bà H là do một mình Chị D đứng vay. Anh N có lời khai không biết việc D vay tiền và cũng không có căn cứ để xác định Chị D dùng số tiền này để sử dụng trong sinh hoạt chung của gia đình do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không buộc anh N phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán cho ông H, bà H là phù hợp. Như vậy chị Trần Thị K.D phải có nghĩa vụ trả cho vợ, chồng ông Đình N.H, bà Nguyễn T.H số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng.

Việc vay nợ tiền giữa chị Trần Thị K.D và chị Đình Thị T.N nếu có là quan hệ pháp luật khác không liên quan đến vụ án này; mặt khác Chị N và Chị D đều không yêu cầu giải quyết trong vụ án này do vậy tòa án không xem xét. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Không chấp nhận kháng cáo của Chị D.

Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm, Chị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng dự phí kháng cáo đã nộp.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị D phải chịu 24.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Đình N.H, bà Nguyễn T.H số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*), theo Biên lai thu tiền số: 008874 ngày 15/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 471; khoản 5 Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.
- Khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 1, Điều 26; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh N.H và bà Nguyễn T.H đối với chị Trần Thị K.D.

2. Buộc chị Trần Thị K.D phải trả cho vợ chồng ông Đinh N.H, bà Nguyễn T.H số tiền nợ gốc: 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*).

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu Chị D phải thanh toán tiền lãi.

3. Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trần Thị K.D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại số tiền 300.000 đồng dự phí kháng cáo đã nộp tại Biên lai thu số 0008974 ngày 12/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì thành phố Hà Nội.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị K.D phải chịu 24.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Đinh N.H, bà Nguyễn T.H số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*), theo Biên lai thu tiền số 0008874 ngày 15/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 20/02/2019.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện Ba Vì;
- Chi cục THADS huyện Ba Vì;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Liên Anh

